

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG****ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số 70-NQ/TW

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngành năng lượng đã duy trì tăng trưởng ổn định, cơ bản bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho phát triển nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước và nâng cao đời sống người dân.

Tuy vậy, ngành năng lượng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một số hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong Nghị quyết 55 vẫn chưa được khắc phục triệt để. Nhiều chỉ tiêu của Nghị quyết 55 khó đạt được. Thể chế, chính sách, công tác quản lý phát triển ngành năng lượng còn bất cập. Tiến độ thực hiện nhiều dự án điện còn chậm; tiềm năng về năng lượng chưa được khai thác hiệu quả. Nguồn cung năng lượng còn phụ thuộc vào nhập khẩu, nguy cơ thiếu điện cho giai đoạn tăng trưởng hai con số là hiện hữu. Cơ sở hạ tầng ngành năng lượng còn thiếu và chưa đồng bộ. Hệ thống điện phát triển chưa đồng bộ, thông minh; lưới điện chưa kết nối hiệu quả với các dự án nguồn. Công nghệ trong một số lĩnh vực chậm được đổi mới; tỉ lệ nội địa hoá đối với một số thiết bị quan trọng chưa cao. Chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động trong một số lĩnh vực còn thấp; thị trường năng lượng cạnh tranh phát triển chưa đồng bộ, thiếu liên thông giữa các phân ngành, nhất là thị trường điện còn nhiều hạn chế; chính sách giá năng lượng còn bất cập, chưa thực sự phù hợp với cơ chế thị trường; vẫn còn tình trạng bù chèo giá điện đối với một số nhóm khách hàng.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của ngành năng lượng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, nhất là cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho phát triển năng lượng, khuyến khích sản xuất, sử dụng

năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, quy hoạch điều chỉnh thiếu linh hoạt, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn, việc tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ, nhất là quy hoạch điện. Thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp. Chiến lược phát triển năng lượng, đặc biệt trong ngành điện chưa ổn định, đồng bộ; chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và một số ngành liên quan. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về năng lượng chưa quyết liệt, toàn diện, đồng bộ; chưa chú trọng các biện pháp quản trị và ứng phó rủi ro; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chưa hiệu quả. Chưa tạo được đột phá về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành năng lượng.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời gian tới, nhất là thực hiện 2 mục tiêu chiến lược đến năm 2030 và năm 2045, công tác bảo đảm an ninh năng lượng có vai trò rất quan trọng, năng lượng phải đi trước một bước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân. Bộ Chính trị yêu cầu tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đảng lãnh đạo toàn diện; Nhà nước kiến tạo thể chế, chính sách đột phá và kiểm soát hạ tầng năng lượng chiến lược; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể phát triển năng lượng quốc gia, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, khu vực tư nhân là một trong những động lực quan trọng nhất. Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia là nền tảng, là tiên đề quan trọng để phát triển đất nước, là bộ phận quan trọng của an ninh quốc gia. Phát triển năng lượng được ưu tiên cao nhất để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng liên tục trên 10% trong giai đoạn tới, thực hiện hai mục tiêu 100 năm của đất nước. Quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia phải được lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tập trung, thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, hiệu quả.

2. Phát triển năng lượng phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và linh hoạt trong thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hoá hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng, không bù chéo giữa các nhóm khách hàng. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng; bảo đảm kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong phát triển các dự án năng lượng.

3. Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hoá các loại hình năng lượng; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng hoá thạch trong nước, chú trọng bình ổn, điều tiết và bảo đảm dự trữ năng lượng quốc gia; phát triển điện hạt nhân, điện khí; có lộ trình giảm tỉ trọng điện than một cách hợp lý. Cơ cấu tối ưu hệ thống năng lượng quốc gia, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của từng vùng và địa phương.

4. Khuyến khích đầu tư và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thúc đẩy tăng năng suất lao động và đổi mới mô hình tăng trưởng, coi đây vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của toàn xã hội; khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

5. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững ngành năng lượng; từng bước làm chủ công nghệ hiện đại, công nghệ năng lượng nguyên tử, tiến tới tự chủ sản xuất được phần lớn các thiết bị năng lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu cả về công nghệ và thiết bị.

II- MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, chất lượng cao, giảm phát thải cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống người dân, bảo vệ môi trường sinh thái. Từng bước chuyển đổi năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và cam kết quốc tế. Ngành năng lượng phát triển hài hoà giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác nhanh và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất nhập khẩu năng lượng hợp lý; năng lượng được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả hơn. Nhiều vật tư thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng được sản xuất trong nước; lưới truyền tải, phân phối điện được xây dựng hiện đại, thông minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổng cung năng lượng sơ cấp khoảng 150 - 170 triệu tấn dầu quy đổi; tổng công suất các nguồn điện khoảng 183 - 236 GW hoặc có thể cao hơn tùy thuộc vào nhu cầu hệ thống và tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo thời kỳ; tổng sản lượng điện khoảng 560 - 624 tỉ KWh. Tỉ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp khoảng 25 - 30%.

- Tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng khoảng 120 - 130 triệu tấn dầu quy đổi.

- Hệ thống điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối an toàn với lưới điện khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng. Độ tin cậy cung cấp điện năng và chỉ số tiếp cận điện năng thuộc top 3 nước dẫn đầu ASEAN.

- Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu xăng dầu trong nước; mức dự trữ xăng dầu đạt khoảng 90 ngày nhập ròng. Phát triển cơ sở đầy đủ năng lực nhập khẩu khí tự nhiên hoá lỏng (LNG) theo nhu cầu cấp cho các nguồn điện khí LNG và các nhu cầu khác; hình thành các trung tâm năng lượng tập trung khí LNG hài hoà các vùng miền.

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường khoảng 8 - 10%.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường khoảng 15 - 35%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; thị trường năng lượng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ngành năng lượng phát triển đồng bộ, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống hạ tầng năng lượng thông minh, hiện đại, kết nối hiệu quả với khu vực và quốc tế; chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản trị ngành năng lượng đạt trình độ ngang với các nước công nghiệp phát triển hiện đại.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong bảo đảm an ninh năng lượng

Cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp xác định rõ phát triển năng lượng quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, cần nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong ngành năng lượng; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương và địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra,

giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, nhất là đối với các quy hoạch năng lượng; bảo đảm chất lượng, tiến độ các dự án phát triển năng lượng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của an ninh năng lượng, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển năng lượng, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Chú trọng tuyên truyền, nâng cao ý thức, thay đổi hành vi sử dụng năng lượng; phát động, triển khai hiệu quả các phong trào trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân về chuyển đổi năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường. Phổ biến, nhân rộng các mô hình, giải pháp sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng vùng, địa phương, nhất là các mô hình tự sản xuất, tự tiêu thụ tại doanh nghiệp, hộ gia đình, mô hình cộng đồng năng lượng; thúc đẩy phát triển mua bán điện trực tiếp cả nguồn và tải điện.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng

Quyết tâm, quyết liệt hoàn thiện và tổ chức triển khai hiệu quả pháp luật về điện lực, dầu khí, địa chất và khoáng sản, năng lượng nguyên tử, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong quy hoạch, cấp phép, huy động vốn,... cho các dự án về năng lượng; có cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội để thu hút và triển khai các dự án năng lượng quan trọng, cấp bách của quốc gia.

Hoàn thiện chính sách tài chính theo hướng huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào các dự án trong lĩnh vực năng lượng theo hình thức nhà đầu tư độc lập hoặc đối tác công tư (PPP). Đổi mới chính sách tín dụng theo hướng linh hoạt, hiệu quả, ưu tiên bố trí vốn tín dụng cho lĩnh vực năng lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn; có nguồn vốn, gói tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh, sạch, công nghệ mới, doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống dự trữ năng lượng, nghiên cứu, phát triển và sản xuất thiết bị năng lượng trong nước. Hoàn thiện chính sách thuế để khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các trang thiết bị sản xuất trong nước. Nhà nước có cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các dự án năng lượng phi lợi nhuận, thân thiện môi trường.

Xây dựng khung chính sách đủ mạnh để khuyến khích các hộ sử dụng điện lớn xây dựng hệ thống thu hồi năng lượng để sản xuất điện; có cơ chế, chính sách ưu đãi hợp lý để phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và hệ thống lưu trữ năng lượng; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển mạnh các hệ thống xử lý rác có thu hồi năng lượng; thúc đẩy doanh nghiệp

đầu tư vào công nghệ carbon thấp, trung hoà carbon. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Khẩn trương ban hành, công khai danh mục các dự án năng lượng; thực hiện có chọn lọc cơ chế đấu thầu cạnh tranh kết hợp với giao thực hiện các dự án năng lượng có quy mô lớn, đầu tư tại khu vực nhạy cảm về an ninh quốc phòng. Kiểm soát hiệu quả việc ký kết hợp đồng mua bán điện trực tiếp (PPA). Hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, nhất là trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt trong ngành điện, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, gắn kết với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành khác; quy hoạch năng lượng có tính mở, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm phục vụ phát triển, phân phối hài hoà cho các ngành, lĩnh vực, vùng miền (công nghiệp, nông nghiệp, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh, đô thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa...). Giao trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt là Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; trong trường hợp cần thiết, kịp thời rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Trường hợp việc lập, thẩm định các dự án năng lượng quan trọng, cấp bách của quốc gia có nội dung khác với quy hoạch có liên quan thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch; sau khi dự án được phê duyệt, các quy hoạch có liên quan phải được kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, thống nhất, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới. Xây dựng giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định, có sự quản lý của Nhà nước, không thực hiện bù chèo; Nhà nước điều tiết hợp lý thông qua các công cụ thị trường và thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội. Cải cách triệt để các thủ tục hành chính, cắt giảm 30 - 50% thời gian thực hiện, chi phí tuân thủ và điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi trong đầu tư, kinh doanh, xây dựng, vận hành các dự án năng lượng. Trong năm 2025, phải hoàn thành việc tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế cản trở sự phát triển của ngành năng lượng.

3. Phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng

Xây dựng kịch bản, lộ trình thực hiện cụ thể bảo đảm năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đa dạng hoá nguồn cung năng lượng, bao gồm cả nguồn trong nước và nhập khẩu. Có cơ chế ưu tiên cho việc chủ động phát triển năng lượng trong nước, giảm phụ thuộc

nhập khẩu, ưu tiên tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng trong nước. Có giải pháp tổng thể, đồng bộ, khả thi, nâng định mức năng lượng sơ cấp trên đầu người lên thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN. Triển khai xây dựng và hình thành Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia tích hợp khí, khí hoá lỏng, điện, lọc, hoá dầu, năng lượng tái tạo tại các địa phương có lợi thế, đồng bộ với chính sách về khai thác, bao tiêu sản lượng, giá khí tự nhiên trong nước. Khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án năng lượng trọng điểm, đặc biệt là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải; có chế tài nghiêm khắc đối với các nhà đầu tư đăng ký phát triển các dự án năng lượng nhưng chậm hoặc không triển khai làm ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia. Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực năng lượng.

- *Về dầu khí*: Đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia; nâng cao hệ số thu hồi, tận thu các mỏ nhỏ, khôi sọt cận biên. Có chiến lược chủ động, hiệu quả trong hợp tác tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài. Đẩy nhanh khai thác các mỏ khí trong nước gắn với các chuỗi dự án khí điện, bảo đảm lợi ích tổng thể quốc gia. Phát triển công nghiệp khí; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhập khẩu, dự trữ và tiêu thụ LNG. Xây dựng chính sách giá khí hợp lý bảo đảm hài hoà lợi ích của các bên liên quan; phát triển thị trường khí đạt khoảng 30 - 35 tỉ m³/năm. Tiếp tục thu hút đầu tư trong lĩnh vực lọc hoá dầu theo hướng chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm xăng dầu, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu phù hợp nhu cầu thị trường và phù hợp lộ trình dịch chuyển năng lượng. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng dầu khí đá phiến, khí hydrate; sớm triển khai đánh giá tổng thể, đẩy nhanh khai thác thử nghiệm.

- *Về than*: Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển ngành than trong bối cảnh mới. Đẩy mạnh khai thác than trong nước bảo đảm an toàn, hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên; có cơ chế hợp lý và linh hoạt trong việc khai thác và nhập khẩu than để phục vụ nhu cầu trong nước. Thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài để thăm dò, khai thác loại than mà Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu. Tăng cường năng lực nhập khẩu và chế biến than quốc gia, bảo đảm có dự trữ đủ lớn để hạn chế bị động khi thị trường thế giới có biến động. Mở rộng tìm kiếm, thăm dò, nâng cao chất lượng công tác đánh giá trữ lượng và tài nguyên; khẩn trương nghiên cứu công nghệ, phương pháp thích hợp để thăm dò bể than Sông Hồng. Tăng cường cơ giới hoá, hiện đại hoá thiết bị sàng, tuyển và khai thác than. Rà soát, đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tối ưu hoá các giải pháp cung cấp than ổn định cho sản xuất điện phù hợp với cơ chế thị trường. Dự trữ than đáp ứng yêu cầu sản xuất, nhất là sản xuất điện.

- *Về năng lượng tái tạo, năng lượng mới:* Ban hành, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về tiêu chuẩn, tỉ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng; triển khai thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC). Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa năng lượng hoá thạch. Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời; khuyến khích phát triển tại các vùng, địa phương có lợi thế. Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tiềm năng và xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều, hải lưu...; triển khai một số mô hình ứng dụng, tiến hành khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả. Thử nghiệm mô hình sản xuất, sử dụng năng lượng hydrogen, các dẫn xuất hydrogen, amoniac; khai thác điện gió ngoài khơi, điện mặt trời gắn với sản xuất hydrogen, amoniac.

- *Về điện:* Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành điện, tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch và bền vững. Phát triển cân đối, hợp lý giữa các nguồn điện, bảo đảm yêu cầu cao nhất là đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, từng bước thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải. Phát triển nguồn điện cân đối hợp lý theo lợi thế vùng, miền, địa phương hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng, giảm tối đa tổn thất truyền tải. Ưu tiên phát triển các dự án nguồn điện có công suất lớn, hiệu quả cao, thân thiện môi trường. Có phương án mở rộng, khai thác hiệu quả công suất các nhà máy điện, dự án nguồn điện hiện có theo hướng chọn lọc, ưu tiên các nhà máy có tiềm năng, hoạt động hiệu quả. Chủ động phương án xuất, nhập nguồn điện tại những địa điểm và thời điểm phù hợp, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và hiệu quả kinh tế.

Thực hiện hiệu quả các Chương trình quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải; giảm cường độ tiêu thụ và tổn thất điện năng bảo đảm cạnh tranh so với các quốc gia có cùng trình độ phát triển. Hiện đại hoá hệ thống điều độ điện, áp dụng công nghệ giám sát, điều khiển kỹ thuật tự động, thông minh; bên cạnh truyền tải điện xoay chiều, nghiên cứu ứng dụng truyền tải siêu cao áp, một chiều, truyền tải ngầm dưới biển.

Đối với thủy điện: Phát huy, mở rộng tối đa công suất của các nhà máy hiện có. Tiếp tục phát triển có chọn lọc một số thủy điện nhỏ và vừa, đẩy nhanh tiến độ các dự án thủy điện tích năng. Tăng cường hợp tác phát triển thủy điện với các nước gắn với nhập khẩu điện dài hạn từ nước ngoài.

Đối với điện gió và điện mặt trời: Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ, điện mặt trời mái nhà. Khẩn trương xây dựng chính sách tháo gỡ khó khăn, chính sách pháp lý hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi; nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho một số doanh nghiệp lớn nhà nước, tư nhân có uy tín, thương hiệu, có thực lực để thực hiện nhiệm vụ phát triển các dự án điện gió ngoài khơi quy mô lớn gắn với bảo đảm quốc phòng,

an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Xây dựng cơ chế đặc thù xử lý dứt điểm những vướng mắc, khó khăn đối với các dự án điện gió, điện mặt trời để bổ sung nguồn điện quốc gia, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư xã hội, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhà đầu tư trên tinh thần "lợi ích hài hoà, rủi ro chia sẻ"; xử lý nghiêm các sai phạm theo quy định pháp luật.

Đối với nhiệt điện: Phát triển nhiệt điện khí, ưu tiên sử dụng nguồn khí trong nước; khẩn trương rà soát, tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy triển khai các dự án điện khí, LNG, nhất là cơ chế về giá mua bán điện. Rà soát, lập kế hoạch triển khai nâng cấp công nghệ, nâng cao hiệu suất để đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy điện than hiện có. Có cơ chế khuyến khích chuyển đổi nhiên liệu đối với các nhà máy nhiệt điện than.

Đối với điện đồng phát, điện tận dụng nhiệt dư, khí dư, sinh khối, rác thải và chất thải rắn: Khai thác tối đa nguồn điện đồng phát sinh khối; đẩy mạnh phát triển các nguồn điện từ xử lý rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối; khuyến khích phát điện từ thu hồi khí dư, nhiệt dư, nước dư của các nhà máy; các loại hình nguồn điện này được phát triển không bị giới hạn bởi quy mô quy hoạch.

Đối với điện hạt nhân: Khẩn trương triển khai các dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2 với các đối tác phù hợp, bảo đảm lợi ích cao nhất của Việt Nam có tính đến thoả thuận trước đây, đưa vào vận hành trong giai đoạn 2030 - 2035. Xây dựng Chương trình phát triển điện hạt nhân theo các quy mô linh hoạt và các nhà máy điện hạt nhân lắp ráp module nhỏ; đẩy mạnh đầu tư cho nghiên cứu, phát triển công nghệ năng lượng nguyên tử, từng bước làm chủ công nghệ điện hạt nhân, bao gồm công nghệ lò phản ứng hạt nhân; lựa chọn công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối và tối ưu hoá hiệu quả tổng thể về kinh tế - xã hội; khuyến khích doanh nghiệp khu vực nhà nước và tư nhân tham gia phát triển điện hạt nhân module nhỏ.

- *Về tăng cường dự trữ năng lượng chiến lược, lưu trữ năng lượng:* Xây dựng và triển khai chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia; chiến lược quản lý, sử dụng, dự trữ và bảo vệ khoáng sản chiến lược phục vụ phát triển năng lượng. Đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ dầu thô, xăng dầu, khí đốt và than phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng quốc gia cả trên đất liền và trên biển. Phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng phù hợp với tỉ lệ năng lượng tái tạo ngày càng cao hơn để nâng cao độ tin cậy và sự ổn định của hệ thống điện. Đầu tư xây dựng các hệ thống pin lưu trữ quy mô lớn và các loại hình lưu trữ năng lượng tiên tiến khác.

- *Về xây dựng ngành năng lượng và phát triển công nghiệp sản xuất thiết bị năng lượng:* Xây dựng các tập đoàn công nghiệp năng lượng trong nước

có đủ khả năng làm tổng thầu EPC các dự án có quy mô lớn hiện đại và triển khai chiến lược phát triển công nghiệp sản xuất thiết bị năng lượng trong nước. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và có thị trường tiêu thụ lớn như sản xuất thiết bị điện, thiết bị năng lượng tái tạo. Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy nghiên cứu và phát triển công nghiệp năng lượng, tăng nhanh tỉ lệ nội địa hoá và năng lực tự chủ trong toàn ngành năng lượng.

- *Về phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, thông minh, bền vững, kết nối khu vực và quốc tế hiệu quả:* Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển năng lượng bền vững, hiệu quả và an toàn. Thúc đẩy xã hội hoá cơ sở hạ tầng và dịch vụ năng lượng. Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng; xây dựng cơ sở hạ tầng xuất nhập khẩu năng lượng đồng bộ; xác định danh mục hạ tầng năng lượng dùng chung; xác định rõ hạ tầng năng lượng chiến lược phải do Nhà nước kiểm soát. Đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối, sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện. Phát triển hệ thống lưới điện truyền tải đồng bộ với phát triển nguồn điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới... Tiếp tục đầu tư xây dựng các đường dây 500 kV, 220 kV và các trạm biến áp để bảo đảm khả năng truyền tải điện từ các trung tâm sản xuất điện đến các trung tâm phụ tải và kết nối liên thông với các nước ASEAN, nhất là Campuchia, Lào,... góp phần kết nối 3 nền kinh tế. Huy động nguồn vốn từ khu vực tư nhân tham gia phát triển hạ tầng truyền tải điện theo mô hình hợp tác công tư (PPP).

4. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế về giảm phát thải; thiết lập các biện pháp quản trị và ứng phó với rủi ro

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn đến năm 2030 và Chương trình quản lý nhu cầu điện quốc gia. Cơ cấu lại, khuyến khích phát triển các ngành sử dụng hiệu quả năng lượng, đem lại lợi ích cao nhất về kinh tế - xã hội. Quy định cụ thể các chỉ tiêu bắt buộc về tiết kiệm năng lượng cho từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Đẩy mạnh cải tiến công nghệ, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hiệu suất năng lượng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện giao thông và công trình xây dựng; từng bước loại bỏ thiết bị, máy móc, phương tiện hiệu suất sử dụng năng lượng thấp, phát thải môi trường cao; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao. Nghiên cứu, hình thành quỹ về phát triển năng lượng bền vững để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh xã hội hoá. Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tự sản xuất và sử dụng năng lượng sạch.

Triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong ngành năng lượng phù hợp với tình hình phát triển đất nước và sự hỗ trợ quốc tế. Xây dựng Chương trình chuyển đổi năng lượng quốc gia; có lộ trình giảm dần sử dụng nhiên liệu hoá thạch trong sản xuất năng lượng phù hợp với cam kết quốc tế. Có phương án cho các nhà máy nhiệt điện than chuyển đổi nhiên liệu sang sử dụng khí tự nhiên, nhiên liệu sinh khối, hydrogen, amoniac,...

Nghiên cứu áp dụng chính sách thuế carbon thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch; quy định tiêu chuẩn hạn mức phát thải carbon. Xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn quốc tế. Khuyến khích xây dựng cơ chế trao đổi tín chỉ carbon, phát triển thị trường carbon trong nước, kết nối với thị trường quốc tế. Có chính sách ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến, hiệu quả cao và thân thiện môi trường. Hoàn thiện khung khổ pháp lý, thúc đẩy phát triển công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng carbon, nhất là trong sản xuất điện sử dụng nhiên liệu hoá thạch. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ carbon thấp và trung hoà carbon trong ngành năng lượng.

Triển khai rộng rãi mô hình kinh tế tuần hoàn, tận dụng phế thải từ sản xuất công nghiệp làm nhiên liệu sản xuất năng lượng. Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt chuẩn quốc tế tại các nhà máy điện. Phát triển hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục để giám sát chặt chẽ các thông số môi trường tại các dự án năng lượng. Tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường trong sản xuất và vận hành các nhà máy điện.

Thiết lập hệ thống quản trị và ứng phó với rủi ro; xây dựng và cập nhật thường xuyên kịch bản, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai ngay từ quá trình lựa chọn vị trí dự án, thiết kế, xây dựng công trình đến sản xuất, vận hành, bảo đảm an toàn ngành năng lượng. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ xanh từ các quốc gia tiên tiến.

Chủ động nghiên cứu, đánh giá tác động của các công trình kênh, hồ, đập ở các quốc gia có chung dòng sông với nước ta đến việc vận hành của các nguồn điện trong nước; xây dựng kịch bản ứng phó, giải quyết các tác động cục bộ về hạn hán, thiếu nước. Chú trọng sửa chữa, nâng cấp, sử dụng lại nguồn nước các đập thủy điện, rà soát quy trình vận hành, hiện đại hoá hệ thống quan trắc, cảnh báo, bảo đảm tuyệt đối an toàn công trình và vùng hạ du.

5. Tập trung huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng

Có cơ chế, chính sách đột phá thu hút mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển năng lượng, bảo đảm nguồn vốn thực hiện các quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt là quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Có cơ chế dành nguồn tín dụng ưu đãi hoặc bảo lãnh Chính phủ cho các dự án năng lượng quan trọng quốc gia, cần ưu tiên đầu tư, kể cả các dự án BOT điện quy mô lớn, quan trọng, cấp bách. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng cường huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm đủ vốn cho các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước triển khai các dự án năng lượng quy mô lớn, quan trọng, cấp bách. Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò dẫn dắt, cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, tháo gỡ vướng mắc để tận dụng vốn viện trợ phát triển chính thức ODA, vốn hỗ trợ quốc tế, nhất là nguồn vốn trong khuôn khổ Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) cho các dự án năng lượng. Phát triển thị trường trái phiếu xanh, triển khai tín dụng xanh. Khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo nhỏ và vừa, các dự án vừa sản xuất, vừa tiêu thụ năng lượng. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật thực thi hợp đồng, giải quyết tranh chấp; có cơ chế đặc thù để xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng phát triển năng lượng tồn đọng kéo dài, gây lãng phí nguồn lực xã hội; chấm dứt tình trạng doanh nghiệp nhà nước chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký với doanh nghiệp tư nhân.

Phát triển thị trường điện theo hướng tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, đồng bộ với bảo đảm an ninh năng lượng; triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế mua bán điện trực tiếp, đồng thời tăng cường quyền lựa chọn của khách hàng sử dụng điện trong việc tiếp cận và lựa chọn đơn vị cung cấp điện phù hợp với nhu cầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao dịch điện, bao gồm cơ chế hợp đồng mua bán điện (PPA) minh bạch, ổn định, dài hạn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhà đầu tư. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các dự án đầu tư hạ tầng lưu trữ năng lượng như pin tích trữ, kho LNG, kho xăng, dầu cả trên đất liền và trên biển. Đổi mới cơ chế giá truyền tải điện để thu hút mạnh mẽ khu vực tư nhân đầu tư phát triển lưới điện truyền tải.

6. Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành năng lượng. Tiếp tục rà soát, sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ, ưu tiên chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường trong lĩnh vực năng lượng. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu và phát triển với tỉ lệ tối thiểu 2% GDP ngành năng lượng. Tạo cơ chế thuận lợi, đủ mạnh, tự chủ cao để khuyến khích các doanh nghiệp năng lượng tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; thành lập các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, đổi mới sáng tạo và phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực năng lượng; thu hút 60 - 80 dự án chuyển giao công nghệ tiên tiến. Có cơ chế cho phép các trung tâm đổi mới sáng tạo được huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân để đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, dự án đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực năng lượng mới, năng lượng sạch. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số trong khai thác, sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng năng lượng; nghiên cứu, phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng. Phát triển hệ thống lưới điện thông minh, hệ thống quản lý năng lượng thông minh trong công nghiệp, giao thông và xây dựng.

Hình thành cơ chế liên kết giữa các nhà khoa học, cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng thông qua các chương trình khoa học và công nghệ; lồng ghép hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển năng lượng. Xây dựng đề án đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng, đưa vào danh mục ngành đào tạo trọng điểm. Đào tạo tối thiểu 25.000 - 35.000 kỹ sư, chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng, đặc biệt ưu tiên cho ngành năng lượng hạt nhân. Có chính sách ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao và thu hút chuyên gia là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo và năng lượng mới.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững ngành năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia

Mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác quốc tế về năng lượng với các đối tác quan trọng trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực cho phát triển điện hạt nhân và năng lượng mới. Tích cực

tham gia các sáng kiến, cam kết quốc tế về chuyển dịch năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước. Triển khai tích cực hiệu quả Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Khẩn trương tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách trong triển khai các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, chuyển đổi năng lượng, phát triển năng lượng sạch và ứng phó biến đổi khí hậu, gắn với việc bảo vệ các lợi ích và an ninh quốc gia.

Chủ động kế hoạch nhập khẩu điện từ các quốc gia láng giềng đáp ứng nhu cầu trong nước; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp trong nước đầu tư vào các dự án năng lượng ở nước ngoài, khai thác tài nguyên năng lượng để nhập khẩu về Việt Nam. Mở rộng quan hệ đối tác với các công ty đầu tư năng lượng, phát triển công nghệ tiên tiến. Chú trọng hợp tác phát triển năng lượng với các nước láng giềng, các quốc gia tiểu vùng Mê Công mở rộng và khu vực Đông Nam Á, các nước là bạn bè truyền thống, đối tác của Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai các cơ chế trao đổi, phối hợp với các nước trong khu vực, nhất là các nước ASEAN về an ninh năng lượng; thúc đẩy hợp tác, kết nối lưới điện ASEAN và miền Nam Trung Quốc. Đẩy mạnh phát triển các dự án xuất khẩu điện năng lượng tái tạo sang các nước ASEAN và hợp tác quốc tế về điện hạt nhân với các nước có công nghệ tiên tiến. Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế về năng lượng hạt nhân, đặc biệt là IAEA. Triển khai các cam kết quốc tế trong việc nghiên cứu ứng dụng năng lượng hạt nhân cho mục đích hoà bình.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban đảng tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Các cấp uỷ, chính quyền địa phương chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư năng lượng trên địa bàn theo quy định.

2. Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật để tạo thuận lợi cho phát triển năng lượng quốc gia theo tinh thần của Nghị quyết; tăng cường giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch và các chính sách phát triển năng lượng quốc gia; bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

3. Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia và các chiến lược phát triển các phân ngành năng lượng, Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh phù hợp với tinh thần của Nghị quyết; trình Quốc hội sửa đổi, ban hành các luật có liên quan tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, bảo đảm

an ninh năng lượng quốc gia; trường hợp cần thiết, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết chuyên đề về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết.

4. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết.

6. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, ngành ở Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ**



Tô Lâm

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

*

Số 19-BS/TU**SAO Y***Thái Nguyên, ngày 12 tháng 9 năm 2025***Nơi nhận:**

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (155).

(Sao y Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025
của Bộ Chính trị)

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG****Nguyễn Thành Minh**